

Đơn vị: Sở Tư pháp
Chương: 414
Mã số đơn vị: 1072769

Phụ lục II

PHÂN BỐ ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STP ngày tháng năm 2026 của Sở Tư pháp)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG CHI	TỔNG CỘNG	Trung tâm Trợ giúp pháp lý NN tỉnh Gia Lai			Phòng Công chứng số 1			Phòng Công chứng số 2			Phòng Công chứng số 3			Phòng Công chứng số 4			Phòng Công chứng số 5			Phòng Công chứng số 6		
	Mã số đơn vị	1072769	Dự toán đã giao tại Quyết định số 301/QĐ-STP ngày 31/12/2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao tại Quyết định số 301/QĐ-STP ngày 31/12/2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao tại Quyết định số 301/QĐ-STP ngày 31/12/2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao tại Quyết định số 301/QĐ-STP ngày 31/12/2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao tại Quyết định số 301/QĐ-STP ngày 31/12/2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao tại Quyết định số 301/QĐ-STP ngày 31/12/2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao tại Quyết định số 301/QĐ-STP ngày 31/12/2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
	Loại		280	280	280	280			280			280			280			280			280		
	Khoản		338	338	338	338			338			338			338			338			338		
	TỔNG DỰ TOÁN THU, CHI NSNN		-			3.000			2.100			1.500			338			1.433			338		
I	SỐ THU CHI: LỆ PHÍ, PHÍ		-	-		3.000			2.100			1.500			5.151			1.433			2.140		
1	Số thu phí, lệ phí	15.324	-	-		3.000			2.100			1.500			5.151			1.433			2.140		
1.2	Phí	15.324	-	-		3.000			2.100			1.500			5.151			1.433			2.140		
	Phí công chứng	15.324				3.000			2.100			1.500			5.151			1.433			2.140		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	12.568				2.250			1.575			1.125			3.863			2.150			1.605		
2.1	Chi quản lý hành chính	-																					
2.2	Chi sự nghiệp kinh tế	-	-	-		2.250	-	2.250	1.575	-	1.575	1.125	-	1.125	3.863	-	3.863	2.150	-	1.075	1.605	-	1.605
2.2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.493					2.250	2.250		1.575	1.575		1.125	1.125		3.863	3.863	1.075	1.075	1.075		1.605	1.605
2.2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-11.493				2.250	-2.250	0	1.575	-1.575	0	1.125	-1.125	0	3.863	-3.863	0	1.075	-1.075	0	1.605	-1.605	0
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-		-			-			-			-			-			-		
II	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					-			-			-			-			-			-		
1	Chi quản lý hành chính	-																					
2	Sự nghiệp kinh tế	16.757	16.757	-	16.757													-					
2.1	Tổng dự toán NSNN giao	16.757	16.757	-	16.757													-					
2.1.1	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.409	-	7.409	7.409																		
2.1.3	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	9.348	16.757	-7.409	9.348																		
2.2	Dự toán ngân sách quản lý (tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo quy định)	1.016	1.016	0	1.016																		
2.2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	151	-	151	151																		
	+ Tiết kiệm 10% theo định mức phân bổ chi hoạt động năm 2026	151		151	151																		
2.2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	865	1.016	-151	865				-			-											
	+ Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	865	865	0	865																		
	+ Tiết kiệm 10% theo định mức phân bổ chi hoạt động năm 2026	-	151	-151	-																		
2.3	Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm	15.741	15.741		15.741													-					
2.3.1	Dự toán phân bổ kỳ này	15.575	15.741	-	15.575													-					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (13)	7.270		7.270	7.270				-														
	- Lương và kinh phí hoạt động thường xuyên	7.270		7.270	7.270																		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	7.909	15.345	-7.270	7.909																		
	- Lương và kinh phí hoạt động thường xuyên	-	7.436	-7.270	-																		
	- Nghiệp vụ	7.694	7.694		7.694																		
	- Trang phục trợ giúp viên pháp lý	122	122		122																		
	- Mua sắm, sửa chữa	93	93		93																		
c	- Chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (18)	396	396		396																		
2.3.2	Dự toán còn lại chưa phân bổ	166	-	166	166																		
3	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	-	-					-			-											
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	-	-	-					-			-											